

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2025/DS-ST**
Ngày 16-9-2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - NINH BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chuyết

Bà Đoàn Thị Diệu

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Hiếu - Thư ký viên TAND khu vực 9, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình: Bà Nguyễn Thị Thuần - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 55/2024/TLST-DSST ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2025/QĐST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V; Địa chỉ: Tòa V, Số H L, phường Đ, TP ..

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Ngọc Q - Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ khách hàng Cá nhân Miền Bắc 1 - Trung tâm THN KHDN và Xử lý nợ pháp lý (Theo văn bản ủy quyền số 16/2025/UQN-CTQT ngày 24/4/2025)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Ngọc Q (Theo văn bản ủy quyền số 811/2025/UQN-KHCN MB02 ngày 27/8/2025)

+ Ông Trần Minh T - Chuyên viên xử lý nợ.

+ Ông Đỗ Mạnh K - Chuyên viên xử lý nợ

+ Ông Phạm Minh N - Chuyên viên xử lý nợ.

+ Bà Phạm Thị Thu T1 - Chuyên viên xử lý nợ.

+ Ông Bùi Long T2 - Chuyên viên xử lý nợ.

Địa chỉ liên hệ: Tầng G, Tòa nhà V, số G D, Phường C, TP ..

**Bị đơn:*

- Ông Lâm Văn B, sinh năm 1983; Căn cước công dân số 036083018580, cấp ngày 22/12/2021; Nơi thường trú: Xóm Q, xã N, tỉnh Ninh Bình (Xóm Q, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định cũ).

- Bà Vũ Thị L, sinh năm 1990; Căn cước công dân số 036190008891, cấp ngày 17/01/2020; Nơi thường trú: Thôn B, xã N, tỉnh Ninh Bình (Xóm B, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định cũ).

Tại phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu T1 có mặt; Ông Lâm Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Vũ Thị L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 dù đã được Tòa án triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần V (viết tắt V1) là ông Hà Văn H trình bày:

Ông Lâm Văn B vay vốn tại V1 số tiền là 434.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số LN2206186024699 ngày 23/6/2022 (Mã số hợp đồng định danh trên hệ thống của V1 là LD2217401558). Mục đích sử dụng vốn để thanh toán tiền mua xe ô tô hiệu HUYNDAI, Accent, 1.4L, AT sản xuất mới 100%. Thời hạn vay là 96 tháng. Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,3%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, Accent, 1.4L, AT, biển số đăng ký 18A-312.90, có số khung RLUAC41BBNN079143, số máy G4LCNG004588 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe số 012172 do Phòng C Công an tỉnh N cấp ngày 21/5/2022 cho ông Lâm Văn B. Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số LN2206186024699 ngày 23/6/2022 do ông Lâm Văn B và bà Vũ Thị L ký kết với ngân hàng V1.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Lâm Văn B và bà Vũ Thị L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V1 kể từ ngày 15/4/2023 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Tạm tính đến ngày 25/4/2025, ông Lâm Văn B và bà Vũ Thị L đã trả cho V1 số tiền là 70.315.431 đồng, trong đó: Nợ gốc là 41.716.649 đồng; nợ lãi là 28.598.782 đồng. Tính đến ngày 25/4/2025, ông Lâm Văn B và bà Vũ Thị L còn nợ V1 tổng số tiền là 595.368.258 đồng, trong đó 392.283.351 đồng nợ gốc; 182.109.587 đồng nợ lãi trong hạn; nợ lãi quá hạn 20.975.320 đồng.

Ngân hàng V1 đã nhiều lần liên lạc yêu cầu vợ chồng ông Lâm Văn B bà Vũ Thị L trả các khoản nợ cho V1 nhưng phía ông B và bà L vẫn cố tình không trả nợ. Vì vậy, ngân hàng V1 đề nghị Tòa án nhân dân (viết tắt là TAND) huyện T, tỉnh Nam Định nay là TAND khu vực 9 - Ninh Bình các vấn đề như sau:

- Buộc ông Lâm Văn B và bà Vũ Thị L trả nợ V1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/4/2025 là 595.368.258 đồng, trong đó 392.283.351 đồng nợ gốc;

182.109.587 đồng nợ lãi trong hạn; nợ lãi quá hạn 20.975.320 đồng và toàn bộ lãi phát sinh kể từ ngày 26/4/2025 đến ngày thực trả theo đúng mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

- Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật mà ông Lâm Văn B, bà Vũ Thị L không trả nợ cho V1, V1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho V1. Tài sản đảm bảo là xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, Accent, 1.4L, AT, biển số đăng ký 18A-312.90, có số khung RLUAC41BBNN079143, số máy G4LCNG004588 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe số 012172 do Phòng C Công an tỉnh N cấp ngày 21/5/2022 cho ông Lâm Văn B.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/8/2025, bị đơn là ông Lâm Văn B trình bày:

Ông đã nhận được các văn bản tố tụng mà Toà án gửi về việc Ngân hàng V1 khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông và bà Vũ Thị L (ông và bà L đã ly hôn vào năm 2023). Ông thừa nhận chữ ký, chữ viết trong các hợp đồng cho vay ngày 23/6/2022, hợp đồng thế chấp số LN 2206186024699 ngày 23/6/2022 do ngân hàng V1 cung cấp là của ông. Thời điểm vay vốn tại ngân hàng V1, ông và bà Vũ Thị L vẫn đang trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp. Ông và bà L đã vay số tiền là 434 triệu đồng tại ngân hàng V1. Mục đích vay tiền là mua xe ô tô HYUNDAI, biển số đăng ký 18A-312.90 mang tên Vũ Thị L. Xe ô tô này do bà L quản lý và sử dụng từ lúc mua cho đến nay. Ông xác định khoản này là khoản nợ chung của vợ chồng ông trong thời kỳ hôn nhân nên ông đề nghị bà Vũ Thị L phải có trách nhiệm cùng ông trả nợ khoản vay này.

Về số tiền mà ngân hàng yêu cầu ông và bà Vũ Thị L phải trả cho V1 tạm tính đến ngày 19/6/2024 là 500.835.696 đồng trong đó nợ gốc là 392.283.351 đồng, nợ lãi là 108.060.919 đồng, lãi chậm trả là 824.416 đồng và toàn bộ lãi phát sinh từ ngày 20/6/2024 cho đến ngày thực trả theo lãi suất đã thỏa thuận thì ông không có ý kiến nào khác. Vì điều kiện kinh tế nên ông mong muốn Ngân hàng tạo điều kiện cho ông được trả dần khoản nợ. Theo ông được biết, bà Vũ Thị L vẫn thường xuyên về nhà bố mẹ đẻ là ông Vũ Văn T3 tại Thôn B, xã N, tỉnh Ninh Bình. Vì điều kiện công việc nên ông xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc và phiên toà xét xử các cấp. Ông đề nghị Toà án gửi các văn bản tố tụng liên quan đến việc giải quyết vụ án cho ông theo địa chỉ Lâm Văn B, sinh năm 1983, trú tại Thôn Q, xã N, tỉnh Ninh Bình.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập, thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nhưng bị đơn là ông Lâm Văn B và bà Vũ Thị L đều vắng mặt. TAND khu vực 9 - Ninh Bình đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ tại nơi cư trú của bị đơn, kết quả xác minh bà Vũ Thị L sau khi ly hôn ông Lâm Văn B thì về nhà bố mẹ đẻ là ông Vũ Văn T3 tại thôn B, xã N, tỉnh Ninh Bình sống một thời gian. Sau đó chị L đi làm ở Hà Nội (không rõ địa chỉ cụ thể). Bà Vũ Thị L vẫn thường xuyên đi về nhà bố mẹ đẻ tại Thôn B, xã N. Tại thời điểm Toà án xác minh thì gia đình ông Vũ Văn T3 không có ai ở nhà.

Đại diện theo uỷ quyền của ngân hàng V1 có đơn không yêu cầu Toà án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, Accent, 1.4L, AT, biển số đăng ký 18A-312.90 vì không xác định được tài sản thế chấp đang ở đâu.

Tại phiên toà:

- Người đại diện theo uỷ quyền của ngân hàng V1 xin đính chính lại thông tin tài sản thế chấp cụ thể như sau: Tài sản thế chấp cho khoản vay của ông Lâm Văn B và bà Vũ Thị L là xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, Accent, 1.4L, AT, biển số đăng ký 18A-312.90, có số khung RLUAC41BBNN079143, số máy G4LCNG004588 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe số 18000080 do Công an huyện T, tỉnh Nam Định (cũ) cấp ngày 23/6/2022 cho bà Vũ Thị L.

Người đại diện theo uỷ quyền của ngân hàng V1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Toà án giải quyết các vấn đề cụ thể như sau:

- Buộc ông Lâm Văn B và bà Vũ Thị L mỗi người phải trả cho V1 $\frac{1}{2}$ tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/9/2025 là 634.385.529 đồng, trong đó 392.283.351 đồng nợ gốc; 215.049.900 đồng nợ lãi trong hạn; lãi chậm trả 27.052.278 đồng và toàn bộ lãi phát sinh kể từ ngày 17/9/2025 đến ngày thực trả theo đúng mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

- Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật mà ông Lâm Văn B, bà Vũ Thị L không trả nợ cho V1, V1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho V1. Tài sản đảm bảo là xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, Accent, 1.4L, AT, biển số đăng ký 18A-312.90, có số khung RLUAC41BBNN079143, số máy G4LCNG004588 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe số 18000080 do Công an huyện T, tỉnh Nam Định (cũ) cấp ngày 23/6/2022 cho bà Vũ Thị L. Số tiền phát mại tài sản (tài sản đảm bảo cho khoản vay) không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì V1 có quyền yêu cầu ông Lâm Văn B và bà Vũ Thị L liên tiếp T4 trả nợ cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS.

Bị đơn nhiều lần vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án là vi phạm quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS.

Việc Toà án mở phiên toà khi bị đơn là ông Lâm Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là bà Vũ Thị L vắng mặt lần thứ 2 tại phiên toà dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 BLTTDS.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26, 35 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 463, 466, 468, 317, 299, 288 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ngân hàng V1, buộc ông Lâm Văn B và bà Vũ Thị L mỗi người phải trả cho V1 $\frac{1}{2}$ tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/9/2025 là 634.385.529 đồng, trong đó 392.283.351 đồng nợ gốc; 215.049.900 đồng nợ lãi trong hạn; lãi chậm trả 27.052.278 đồng và toàn bộ lãi phát sinh kể từ ngày 17/9/2025 đến ngày thực trả theo đúng mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật mà ông Lâm Văn B, bà Vũ Thị L không trả nợ đầy đủ cho V1, V1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho V1. Tài sản đảm bảo là xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, Accent, 1.4L, AT, biển số đăng ký 18A-312.90, có số khung RLUAC41BBNN079143, số máy G4LCNG004588 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe số 18000080 do Công an huyện T, tỉnh Nam Định (cũ) cấp ngày 23/6/2022 cho bà Vũ Thị L. Số tiền phát mại tài sản (tài sản đảm bảo cho khoản vay) không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì V1 có quyền yêu cầu ông Lâm Văn B và bà Vũ Thị Liên tiếp T4 trả nợ cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Về án phí: Ông Lâm Văn B, bà Vũ Thị L phải chịu án phí theo quy định; Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ Điều 26 và Điều 35 BLTTDS, sau khi xem xét hồ sơ khởi kiện của ngân hàng V1, TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định đã thụ lý theo thủ tục dân sự sơ thẩm quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng V1 đối với ông Lâm Văn B và bà Vũ Thị L là đúng quy định pháp luật.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định sát nhập thành TAND khu vực 9 - Ninh Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định về việc tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân, TAND khu vực 9 - Ninh Bình đã tiếp nhận nhiệm vụ của TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định tiếp tục giải quyết vụ án nêu trên là đúng quy định pháp luật.

[1.3] Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS.

Bị đơn nhiều lần vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án là vi phạm quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS.

Việc Tòa án mở phiên toà khi bị đơn là ông Lâm Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là bà Vũ Thị L vắng mặt lần thứ 2 tại phiên toà dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung: Xét hợp đồng cho vay số LN2206186024699 ngày 23/6/2022 (Mã số hợp đồng định danh trên hệ thống của V1 là LD2217401558) giữa Ngân hàng V1 và ông Lâm Văn B cho thấy:

Hợp đồng cho vay số LN2206186024699 ngày 23/6/2022 do ông Lâm Văn B ký kết với Ngân hàng V1. Tại thời điểm ký hợp đồng, Ngân hàng V1 là pháp nhân hợp pháp có đăng ký kinh doanh, ông Lâm Văn B có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, việc ký kết hợp đồng và các văn bản khác thể hiện ý chí tự nguyện của các bên. Nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, hình thức hợp đồng đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật. Tại biên bản lấy lời khai, ông Lâm Văn B đã xác nhận có vay số tiền 434 triệu đồng tại ngân hàng V1. Mục đích để mua xe ô tô HYUNDAI, biển số đăng ký 18A-312.90 mang tên Vũ Thị L. Thời điểm vay vốn tại ngân hàng, ông và bà Vũ Thị L vẫn đang trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp (ông và bà Vũ Thị L ly hôn năm 2023). Vì vậy, ông B đề nghị bà Vũ Thị L phải có trách nhiệm cùng ông trả nợ khoản vay này. Bị đơn là bà Vũ Thị L vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên không có văn bản thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng V1

HĐXX xét thấy: Ông Lâm Văn B và bà Vũ Thị L ly hôn theo bản án số 19/2023/HNGĐ - ST ngày 24/02/2023 của TAND huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định nay là TAND khu vực 9 - Ninh Bình. Như vậy, thời điểm ký kết hợp đồng cho vay số LN2206186024699, ông B và bà L vẫn đang trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đối với khoản vay tại hợp đồng cho vay số LN2206186024699 ngày 23/6/2022 do ông Lâm Văn B thực hiện giao dịch với ngân hàng V1 nhằm mục đích mua tài sản chung của vợ chồng là xe ô tô HYUNDAI, biển số đăng ký 18A-312.90. Hiện tại theo như ông B cung cấp thì bà Vũ Thị L đang là người quản lý và sử dụng tài sản thế chấp. Vì vậy, ông Lâm Văn B và bà Vũ Thị L đều phải có nghĩa vụ đối với khoản vay tại Hợp đồng cho vay số LN2206186024699 ngày 23/6/2022 do ông B thực hiện giao dịch Ngân hàng V1. Quá trình thực hiện Hợp đồng, ông B và bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V1 và phải chịu lãi suất nợ quá hạn. Tính đến hiện nay, ông Lâm Văn B và bà Vũ Thị L đã trả cho V1 số tiền là 70.315.431 đồng, trong đó: nợ gốc là 41.716.649 đồng; nợ lãi là 28.598.782 đồng.

Ngân hàng V1 đã nhiều lần thông báo, yêu cầu ông B và bà Liên thanh T5 khoản nợ nhưng ông B và bà L không thực hiện. Vì vậy, Ngân hàng V1 khởi kiện ông B và bà L tại TAND huyện Trục Ninh nay là TAND khu vực 9 - Ninh Bình thanh toán toàn bộ khoản nợ là có căn cứ.

[3] Xét yêu cầu thanh toán tiền vay gốc, tiền lãi phải trả, tiền phạt chậm trả lãi của Ngân hàng V1 đối với ông Lâm Văn B và bà Vũ Thị L.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì số tiền gốc mà V1 đã giải ngân cho ông B và bà L theo hợp đồng cho vay số LN2206186024699 ngày 23/6/2022 là 434.000.000 đồng. Thời hạn vay là 96 tháng; Mục đích sử dụng vốn là thanh toán tiền mua xe ô tô.

Về lãi suất trong hạn: Tại hợp đồng cho vay đã ký kết, các bên thỏa thuận lãi suất tại thời điểm giải ngân của hợp đồng cho vay là 9,3%/năm. Lãi suất được

điều chỉnh theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 1 của hợp đồng cho vay. Lãi trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (ngày 15/4/2023) là 9,3%/năm.

Về lãi suất quá hạn: Tại điểm e, khoản 7 Điều 1 của hợp đồng quy định về lãi suất quá hạn = 150% lãi suất cho vay trong hạn. Ông B và bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V1 từ ngày 15/4/2023 và phải chịu lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn (lãi suất quá hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn là 13,95%).

Về tiền phạt chậm trả: Tại điểm f khoản 7 Điều 1 của hợp đồng có thỏa thuận: “Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả”.

Xét thấy việc thỏa thuận lãi suất của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, thỏa thuận về mức lãi suất và điều chỉnh lãi suất là phù hợp với Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 nên cần được chấp nhận.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Lâm Văn B và bà Vũ Thị L đã trả cho V1 số tiền là 70.315.431 đồng, trong đó: nợ gốc là 41.716.649 đồng; nợ lãi là 28.598.782 đồng. Như vậy, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 16/9/2025), ông Lâm Văn B và bà Vũ Thị L phải trả cho Ngân hàng V1 tổng số tiền là 634.385.529 đồng, trong đó 392.283.351 đồng nợ gốc; 215.049.900 đồng nợ lãi trong hạn; lãi chậm trả 27.052.278 đồng và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn, nợ lãi chậm trả theo thỏa thuận trong hợp đồng cho vay số LN2206186024699 ngày 23/6/2022 là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét hợp đồng thế chấp số LN2206186024699 ký kết ngày 23/6/2022 giữa ngân hàng V1 và ông Lâm Văn B, bà Vũ Thị L đối với tài sản là xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, Accent, 1.4L, AT, biển số đăng ký 18A-312.90, có số khung RLUAC41BBNN079143, số máy G4LCNG004588 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 18000080 do Công an huyện T, tỉnh Nam Định (cũ) cấp ngày 23/6/2022 cho bà Vũ Thị L.

HĐXX xét thấy về hình thức hợp đồng đều được lập thành văn bản, các bên tham gia ký kết đúng thành phần đại diện và có chữ ký, con dấu của các bên. Nội dung thế chấp thể hiện đầy đủ thông tin của bên thế chấp là ông B và bà L, bên nhận thế chấp là Ngân hàng V1, quyền và nghĩa vụ của các bên, thông tin về tài sản thế chấp. Tài sản thế chấp thuộc đối tượng đăng ký giao dịch bảo đảm và đã được Ngân hàng V1 làm thủ tục giao dịch bảo đảm.

Căn cứ vào các Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 321, Điều 322, Điều 323 của BLDS xác định hợp đồng thế chấp số LN2206186024699 ký kết ngày 23/6/2022 giữa ngân hàng V1 và ông Lâm Văn B, bà Vũ Thị L có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành với các bên.

Do đó, yêu cầu của V1 về việc được quyền xử lý tài sản bảo đảm nếu ông B và bà L không trả được nợ là có căn cứ được HĐXX chấp nhận. Số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông B và bà L vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán hết khoản nợ cho V1. Trường hợp, ông B và

bà L đã trả toàn bộ khoản nợ trên thì V1 phải trả lại toàn bộ giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp cho chủ sử dụng, chủ sở hữu tài sản.

[5] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, bị đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải nộp án phí sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 74, Điều 147, Điều 227, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 241, 293, 298, 299, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 91, 95, 98 Luật Các tổ chức tín dụng 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;
- Căn cứ Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;
- Căn cứ Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V:

- Buộc ông Lâm Văn B, bà Vũ Thị L phải trả cho Ngân hàng V1 theo hợp đồng cho vay số LN2206186024699 ngày 23/6/2022 (Mã số hợp đồng định danh trên hệ thống của V1 là LD2217401558) tính đến ngày xét xử (ngày 16/9/2025) tổng số tiền là 634.385.529 đồng (sáu trăm ba mươi bốn triệu, ba trăm tám mươi lăm nghìn, năm trăm hai mươi chín đồng), trong đó: nợ gốc là 392.283.351 đồng (ba trăm chín mươi hai triệu, hai trăm tám mươi ba nghìn, ba trăm năm mươi một đồng); nợ lãi trong hạn là 215.049.900 đồng (hai trăm mười lăm triệu, không trăm bốn mươi chín nghìn, chín trăm đồng); lãi chậm trả 27.052.278 đồng (hai mươi bảy triệu, không trăm năm mươi hai nghìn, hai trăm bảy mươi tám đồng).

Cụ thể, ông Lâm Văn B, bà Vũ Thị L mỗi người phải trả cho Ngân hàng V1 theo hợp đồng cho vay số LN2206186024699 ngày 23/6/2022 (Mã số hợp đồng định danh trên hệ thống của V1 là LD2217401558) tính đến ngày xét xử (ngày 16/9/2025) số tiền là 317.192.764 đồng (ba trăm mười bảy triệu, một trăm chín mươi hai nghìn, bảy trăm sáu mươi bốn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Lâm Văn B và bà Vũ Thị L còn phải trả cho V1 tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất được quy định tại hợp đồng cho vay số LN2206186024699 ngày 23/6/2022 (Mã số hợp đồng định danh trên hệ thống của V1 là LD2217401558) đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho V1. Mức lãi suất mà ông Lâm Văn B và bà

Vũ Thị L trả theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của V1 theo thỏa thuận về cách tính lãi mà các bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng nêu trên.

2. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, ông Lâm Văn B và bà Vũ Thị L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả các khoản nợ gốc, lãi và lãi phát sinh thì V1 được quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm là xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, Accent, 1.4L, AT, biển số đăng ký 18A-312.90, có số khung RLUAC41BBNN079143, số máy G4LCNG004588 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe số 18000080 do Công an huyện T, tỉnh Nam Định (cũ) cấp ngày 23/6/2022 cho bà Vũ Thị L.

Số tiền phát mại tài sản (tài sản đảm bảo cho khoản vay) không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì V1 có quyền yêu cầu ông Lâm Văn B và bà Vũ Thị Liên tiếp T4 trả nợ cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Ngân hàng V1 có nghĩa vụ trả lại các giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp cho ông Lâm Văn B và bà Vũ Thị L khi ông Lâm Văn B và bà Vũ Thị Liên thanh T5 xong các khoản nợ nêu trên cho V1.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lâm Văn B, bà Vũ Thị L mỗi người phải nộp 15.859.000 đồng (Mười lăm triệu, tám trăm lăm mươi chín nghìn đồng) (Đã làm tròn).

Ngân hàng V1 được trả lại số tiền 12.017.000 đồng (mười hai triệu, không trăm mười bảy nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0004133 ngày 04/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 - Ninh Bình.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND+VK SND tỉnh Ninh Bình;
- VK SND khu vực 9 - Ninh Bình;
- Phòng THADS Khu vực 9 - Ninh Bình;
- UBND xã Ninh Cường - Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Vũ Hoàng Giang

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Hoàng G

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã Việt Hùng, huyện Trực Ninh;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Hoàng Giang

